TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI - TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2024/DS-ST
Ngày: 16 - 4 - 2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán thức ăn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tâm

2. Bà Trần Kim Quyên

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre*** *tham gia phiên tòa*: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng mua bán thức ăn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1969 – Chủ hộ Hộ kinh doanh bán thức ăn gia súc gia cầm Út T. Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Chị Phạm Ngọc Minh C, sinh năm 2000. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2. Bị đơn: 2.1. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1989. (có mặt)

2.2. Chị Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1991

Người đại diện theo ủy quyền của chị L: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 6 năm 2023, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị Phạm Ngọc Minh C – người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trịnh Văn T trình bày:

Ông Trịnh Văn T là chủ hộ kinh doanh bán thức ăn gia súc gia cầm Út T, từ

tháng 10/2020 ông T bán thức ăn nuôi gà cho anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Thúy L, việc mua bán thỏa thuận bằng lời nói, theo thỏa thuận ông T sẽ giao thức ăn đến nhà cho anh S, anh S ký nhận vào sổ giao hàng, thanh toán tiền hàng tháng, phương thức thanh toán bằng tiền mặt. Tính đến ngày 17/01/2023, anh S, chị L còn nợ tiền thức ăn của ông T là 286.325.000 đồng; ngày 19/01/2023, anh S mua thêm thức ăn gà với số tiền 5.070.000 đồng, tổng nợ là 291.395.000 đồng (Hai trăm chín mươi mốt triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Ngày 21/01/2023, anh S trả cho ông T số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), còn nợ lại 261.395.000 đồng (Hai trăm sáu mươi mốt triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng), anh S ghi số tiền còn nợ 261.395.000 đồng vào sổ của ông T và ký tên. Ông T đã nhiều lần yêu cầu anh S, chị L trả tiền thức ăn còn nợ nhưng anh S, chị L không trả.

Ông T thừa nhận được công ty thức ăn thanh toán tiền hỗ trợ thức ăn, con giống cho anh S là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) và ông T đang giữ số tiền này. Ông T đồng ý khấu trừ số tiền 45.000.000 đồng vào tổng tiền nợ gốc và lãi.

Ông T yêu cầu anh S, chị L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T tiền thức ăn còn nợ 261.395.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 21/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/4/2024 với lãi suất 10%/ năm là: 261.395.000 đồng x 10%/năm x 445 ngày = 32.311.326 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 293.706.326 đồng. Sau khi khấu trừ số tiền công ty hỗ trợ 45.000.000 đồng, anh S, chị L còn nợ lại số tiền 248.706.326 đồng. Ông T yêu cầu anh S, chị L có nghĩa vụ liên đới trả tiền thức ăn còn nợ 248.706.326 đồng (Hai trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn ba trăm hai mươi sáu đồng).

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Nguyễn Văn S, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy L trình bày:

Từ tháng 10 năm 2020 đến tháng 01 năm 2023, anh có mua thức ăn nuôi gà của ông Trịnh Văn T, việc mua bán hai bên thỏa thuận bằng lời nói. Theo thỏa thuận ông T giao thức ăn đến nhà anh, việc giao thức ăn tùy theo nhu cầu gà ăn (khoảng 7 - đến 10 ngày) một lần, thời hạn thanh toán tiền sau khi bán gà (khoảng 4 - 5 tháng tháng); các lần nhận thức ăn anh đều ký tên vào sổ giao hàng của ông T. Trong thời gian nuôi gà bệnh chết nhiều, bị thua lỗ nên anh chậm thanh toán tiền thức ăn cho ông T. Tính đến ngày 21/01/2023, anh còn nợ tiền thức ăn của ông T là 261.395.000 đồng (Hai trăm sáu mươi mốt triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng), anh có ký tên xác nhận nợ vào sổ giao thức ăn của ông T. Tuy nhiên, trong năm 2021 và 2022, Công ty thức ăn (Công ty thức ăn bán thức ăn cho ông T) đến trại gà của anh và đồng ý hỗ trợ lại tiền cho anh tính trên con giống là khoảng 2.000 đồng – 3.000 đồng/con hoặc 7000 đồng - 8000 đồng/bao thức ăn, tiền hỗ trợ chi trả khi anh bán gà và thanh toán tiền thức ăn cho ông T. Trong năm 2021 và 2022 anh nuôi 04 đàn gà, theo đó 03 đàn

đầu hỗ trợ trên tiền con giống, đàn gà sau hỗ trợ trên tiền thức ăn, tổng cộng tiền hỗ trợ là 45.000.000 đồng. Tiền này công ty thức ăn đã giao cho ông T giữ.

Anh yêu cầu khấu trừ tiền Công ty thức ăn hỗ trợ 45.000.000 đồng vào số tiền 261.395.000 đồng; anh đồng ý trả cho ông T số tiền còn nợ là 216.395.000 đồng và đồng ý trả tiền lãi từ ngày 21/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/4/2024 với lãi suất 10%/năm là: 216.395.000 đồng x 10%/năm x 445 ngày = 26.748.826 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 243.143.826 đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu một trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm hai mươi sáu đồng).

Việc anh mua thức ăn của ông T, chị Nguyễn Thị Thúy L (vợ anh) có biết, những lúc ông T giao thức ăn anh không có nhà thì chị L ký tên nhận thức ăn. Mục đích anh nuôi gà để phát triển kinh tế gia đình, chị L đồng ý liên đới cùng anh trả số tiền nợ 243.143.826 đồng cho ông T.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nhận thấy trong quá Tnh tố tụng cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ Tnh tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng các điều 357, 430, 440 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Văn T, buộc bị đơn anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Thúy L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T tiền thức ăn còn nợ 248.706.326 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự thống nhất từ tháng 10 năm 2020 đến ngày 19 tháng 01 năm 2023 ông T bán thức ăn nuôi gà cho anh S, hợp đồng mua bán bằng lời nói, thời hạn thanh toán tiền khi bán gà, phương thức thanh toán tiền mặt. Tính đến ngày 21/01/2023, anh S còn nợ tiền thức ăn của ông T là 261.395.000 đồng và ký tên xác nhận tiền nợ vào sổ giao thức ăn của ông T. Tại phiên tòa, anh S thừa nhận còn nợ ông T số tiền 261.395.000 đồng, đây là sự thừa nhận của bị đơn và phù hợp với sổ giao thức ăn ông T cung cấp cho Tòa án nên ông T không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá Tnh tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, chị C – người đại diện theo ủy quyền của ông T thừa nhận Công ty thức ăn có hỗ trợ cho anh S tiền con giống, tiền thức ăn tổng cộng là 45.000.000 đồng và đã giao số tiền này cho ông T giữ. Đây là sự thừa nhận của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nên anh S không phải chứng minh theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Công ty thức ăn đã hỗ trợ cho anh S tiền con giống, tiền thức ăn tổng cộng 45.000.000 đồng và đã giao số tiền này cho ông T giữ. Do đó, anh S yêu cầu khấu trừ số tiền 45.000.000 đồng vào tiền nợ 261.395.000 đồng và đồng ý trả số tiền còn nợ 216.395.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông T yêu cầu khấu trừ số tiền 45.000.000 đồng vào tổng tiền nợ gốc và lãi 293.706.326 đồng là không phù hợp quy định pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Do anh S chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thức ăn nên ông T yêu cầu trả lãi từ ngày 21/01/2023 đến ngày xét xử 16/4/2024 với lãi suất 10%/ năm là phù hợp với quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể tiền lãi là: 216.395.000 đồng x 10%/năm x 445 ngày = 26.748.826 đồng (Hai mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm hai mươi sáu đồng), tổng cộng nợ gốc và lãi là 243.143.826 đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu một trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm hai mươi sáu đồng).

[5] Anh S và chị L kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Chánh, huyện Ba Tri, thời điểm anh S giao kết hợp đồng mua bán thức ăn với ông T là trong thời gian hôn nhân của anh S và chị L, mục đích chăn nuôi gà để phát triển kinh tế gia đình; anh S mua thức ăn của ông T chị L biết và đôi lúc chị L ký nhận thức ăn khi anh S vắng mặt. Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình có cơ sở xác định số tiền nợ 243.143.826 đồng là nợ chung của vợ chồng. Do đó, chị L có nghĩa vụ liên đới cùng anh S trả cho ông T tiền thức ăn còn nợ 243.143.826 đồng.

[6] Xét lời Tnh bày của kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông T, buộc bị đơn anh S và chị L trả tiền nợ gốc và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, đối với ý kiến đề nghị khấu trừ số tiền hỗ trợ 45.000.000 đồng vào tổng tiền nợ gốc và lãi là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: 12.157.191 đồng (Mười hai triệu một trăm năm mươi bảy nghìn một trăm chín mươi mốt đồng), do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T được chấp nhận nên bị đơn anh S, chị L phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Văn T. Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Thúy L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trịnh Văn T tiền thức ăn còn nợ 216.395.000 đồng (Hai trăm mười sáu triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng) và tiền lãi 26.748.826 đồng (Hai mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm hai mươi sáu đồng), tổng cộng là 243.143.826 đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu một trăm bốn mươi ba ngàn tám trăm hai mươi sáu đồng).

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% là: 12.157.191 đồng (Mười hai triệu một trăm năm mươi bảy nghìn một trăm chín mươi mốt đồng) buộc anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Thúy L có nghĩa vụ liên đới nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả cho ông Trịnh Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.770.850 đồng (Sáu triệu bảy trăm bảy mươi nghìn tám trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tiền số 0000182 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện Ba Tri;*
- *THADS huyện Ba Tri;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Phương Nhi